

## **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 38



## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

#### 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần như sau:

<u>Đăng ký thay đổi</u>	<u>Ngày</u>	<u>Nội dung thay đổi</u>
Lần thứ nhất	16/06/2000	Bổ sung ngành nghề kinh doanh
Lần thứ hai	19/01/2004	Đăng ký người đại diện theo pháp luật của Công ty
Lần thứ ba	06/11/2006	Tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 VND
Lần thứ tư	13/04/2007	Tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 VND
Lần thứ năm	22/08/2009	Tăng vốn điều lệ lên 81.976.420.000 VND
Lần thứ sáu	10/06/2011	Tăng vốn điều lệ lên 98.495.200.000 VND
Lần thứ bảy	13/12/2011	Tăng vốn điều lệ lên 103.395.200.000 VND
Lần thứ tám	10/06/2015	Tăng vốn điều lệ lên 105.463.100.000 VND
Lần thứ chín	01/04/2016	Tăng vốn điều lệ lên 150.713.370.000 VND

Vốn điều lệ: 150.713.370.000 VND  
(Một trăm năm mươi tỷ bảy trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần: 15.071.337 cổ phần

Mã chứng khoán: MCP

Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 39612844
- Fax : (08) 39612737

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ); và
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

#### 2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	20/05/2017
Ông Trịnh Hữu Minh	Thành viên	20/05/2017
Ông Nguyễn Quý	Thành viên	20/05/2017
Ông Phạm Duy Hùng	Thành viên	20/05/2017
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	20/05/2017



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	20/05/2017	
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên	22/04/2012	20/05/2017
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Thành viên	22/04/2012	20/05/2017
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Thành viên	20/05/2017	
Ông Nguyễn Ánh Luyện	Thành viên	20/05/2017	

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Trịnh Hữu Minh	Tổng Giám đốc	20/05/2017
Ông Nguyễn Quý	Phó Tổng Giám đốc	20/05/2017
Bà Võ Ngọc Huỳnh Thu	Kế toán trưởng	20/05/2017

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trịnh Hữu Minh (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017).

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

25-  
TY  
HỮU  
MINH  
HAK  
3/07

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**TRỊNH HỮU MINH**  
Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

Số: 131/2017/BCSX-HCM.00149

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**BUI TUYẾT VÂN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0071-2013-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017

**NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2782-2014-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>199.229.198.478</b>	<b>188.555.927.121</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>21.820.397.074</b>	<b>19.266.353.333</b>
Tiền	111	5.1	21.820.397.074	19.266.353.333
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>49.993.018.463</b>	<b>63.682.479.573</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	49.829.571.784	62.885.123.098
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	678.258.723	1.569.161.092
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	419.086.404	297.155.550
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(933.898.448)	(1.068.960.167)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>123.930.466.119</b>	<b>104.333.621.641</b>
Hàng tồn kho	141		123.930.466.119	104.333.621.641
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.485.316.822</b>	<b>1.273.472.574</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	3.111.830.614	1.022.298.241
Thuế GTGT được khấu trừ	152		373.486.208	154.705.510
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	-	96.468.823
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>108.075.567.282</b>	<b>119.507.256.302</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.010.000.000</b>	<b>1.010.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	1.010.000.000	1.010.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.848.376.155</b>	<b>113.576.038.066</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	63.442.497.616	72.718.720.477
Nguyên giá	222		289.095.615.837	289.038.615.837
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(225.653.118.221)	(216.319.895.360)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	38.405.878.539	40.857.317.589
Nguyên giá	225		49.028.781.108	49.028.781.108
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.622.902.569)	(8.171.463.519)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.10	<b>1.799.982.000</b>	<b>1.972.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(172.018.000)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.417.209.127</b>	<b>2.949.218.236</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	3.417.209.127	2.949.218.236
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>307.304.765.760</b>	<b>308.063.183.423</b>





CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>102.043.743.859</b>	<b>100.627.379.642</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.146.929.638</b>	<b>84.692.543.868</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	13.915.487.858	14.661.410.234
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.584.730	115.375.396
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.892.589.438	5.888.125.071
Phải trả người lao động	314	5.13	3.136.548.995	8.924.668.709
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.482.959.964	1.504.743.748
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	19.100.408.058	9.481.089.118
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	52.017.842.064	43.665.818.061
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.17	1.559.508.531	451.313.531
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.896.814.221</b>	<b>15.934.835.774</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	6.891.021.372	15.904.191.180
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.18	5.792.849	30.644.594
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>205.261.021.901</b>	<b>207.435.803.781</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>205.261.021.901</b>	<b>207.435.803.781</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.713.370.000	150.713.370.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.713.370.000	150.713.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.557.011.449	15.557.011.449
Cổ phiếu quỹ	415		(317.124.000)	(317.124.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.722.665.432	27.227.670.540
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.585.099.020	14.254.875.792
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		400	400
LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.585.098.620	14.254.875.392
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>307.304.765.760</b>	<b>308.063.183.423</b>



**NGUYỄN THỊ QUYÊN**  
Người lập biểu



**VÕ NGỌC HUỖNH THU**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH HỮU MINH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017

3044  
CÔNG  
NHÌE  
TIEM  
C VI  
- TP.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>102.043.743.859</b>	<b>100.627.379.642</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.146.929.638</b>	<b>84.692.543.868</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	13.915.487.858	14.661.410.234
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.584.730	115.375.396
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.892.589.438	5.888.125.071
Phải trả người lao động	314	5.13	3.136.548.995	8.924.668.709
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.482.959.964	1.504.743.748
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	19.100.408.058	9.481.089.118
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	52.017.842.064	43.665.818.061
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.17	1.559.508.531	451.313.531
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.896.814.221</b>	<b>15.934.835.774</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	6.891.021.372	15.904.191.180
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.18	5.792.849	30.644.594
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>205.261.021.901</b>	<b>207.435.803.781</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>205.261.021.901</b>	<b>207.435.803.781</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.713.370.000	150.713.370.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.713.370.000	150.713.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.557.011.449	15.557.011.449
Cổ phiếu quỹ	415		(317.124.000)	(317.124.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.722.665.432	27.227.670.540
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.585.099.020	14.254.875.792
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		400	400
LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.585.098.620	14.254.875.392
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>307.304.765.760</b>	<b>308.063.183.423</b>

  
 NGUYỄN THỊ QUYÊN  
 Người lập biểu

  
 VÕ NGỌC HUỖNH THƯ  
 Kế toán trưởng

  
 TRỊNH HỮU MINH  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>171.036.779.557</b>	<b>179.105.903.397</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.830.000	247.752.550
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>171.028.949.557</b>	<b>178.858.150.847</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>137.281.756.348</b>	<b>142.383.581.901</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>33.747.193.209</b>	<b>36.474.568.946</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	110.365.664	162.330.443
Chi phí tài chính	22	6.4	2.517.876.369	2.841.152.263
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.279.657.146	2.828.658.269
Chi phí bán hàng	24	6.5	6.723.069.362	6.640.375.230
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	10.774.577.836	9.085.303.403
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>13.842.035.306</b>	<b>18.070.068.493</b>
Thu nhập khác	31	6.7	892.322.702	263.303.055
Chi phí khác	32	6.8	284.049.414	14.204.258.273
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>608.273.288</b>	<b>(13.940.955.218)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>14.450.308.594</b>	<b>4.129.113.275</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	2.890.061.719	825.822.655
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	(24.851.745)	(49.798.069)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>11.585.098.620</b>	<b>3.353.088.689</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

70

6.10

656

190

**NGUYỄN THỊ QUYÊN**  
Người lập biểu

**VÕ NGỌC HUỖNH THƯ**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH HỮU MINH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>14.450.308.594</b>	<b>4.129.113.275</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.784.661.911	11.929.842.158
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	36.956.281	57.075.206
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.389.105	(4.772.060)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.416.255)	(330.851.483)
Chi phí lãi vay	06	2.279.657.146	2.828.658.269
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>28.537.556.782</b>	<b>18.609.065.365</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	13.702.210.954	9.498.418.947
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(19.596.844.478)	(4.153.168.430)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(7.885.562.585)	25.060.453.973
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.557.523.264)	(1.137.160.283)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.399.726.106)	(2.862.323.601)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.431.044.765)	(2.555.789.017)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.114.855.000)	(1.885.920.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.254.211.538</b>	<b>40.573.576.454</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(57.000.000)	(92.077.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	210.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.416.255	120.851.483
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(37.583.745)</b>	<b>238.774.483</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	64.492.889.950	43.807.997.586
Tiền trả nợ gốc vay	34	(52.707.277.459)	(71.270.935.950)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12.446.758.296)	(4.305.077.167)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.479.000)	(12.315.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(662.624.805)</b>	<b>(31.780.330.931)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>2.554.002.988</b>	<b>9.032.020.006</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>19.266.353.333</b>	<b>4.848.980.972</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	40.753	175.765
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>21.820.397.074</b>	<b>13.881.176.743</b>

NGUYỄN THỊ QUYÊN

Người lập biểu

VÕ NGỌC HUỲNH THƯ

Kế toán trưởng

TRỊNH HỮU MINH

Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 01 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 150.713.370.000 VND  
(Một trăm năm mươi tỷ bảy trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng)  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND  
Tổng số cổ phần: 15.071.337 cổ phần  
Mã chứng khoán: MCP  
Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho hàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ) và
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 315 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 305 người).

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính của kỳ trước.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 30/06/2017: 22.700 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 30/06/2017: 22.770 VND/USD.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

1.03  
TRÁC  
AF  
21



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

#### *Chi phí trả trước ngắn hạn*

Chi phí thuê đất, chi phí bảo hiểm cháy nổ, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí khác đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

#### *Chi phí trả trước dài hạn*

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí lắp đặt mở rộng, sửa chữa phân xưởng và chi phí bảo hiểm tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 24 tháng đến 60 tháng.

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 28
Máy móc, thiết bị	03 – 22
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	20



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc, thiết bị	10

### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.11 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu gia công*

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

### Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.16 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.17 Công cụ tài chính**

##### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

##### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Nhà đầu tư Thành viên chủ chốt

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt – VND	167.255.360	892.144.618
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	20.873.251.375	18.341.381.540
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	772.708.908	26.061.203
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – SGD	5.588	5.325
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – AUD	7.175.843	6.760.647
	<b>21.820.397.074</b>	<b>19.266.353.333</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi tiết số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ như sau:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	34.040,04	772.708.908
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – SGD	0,34	5.588
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – AUD	412,31	7.175.843
		<b>779.890.339</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	4.425.057.418	4.154.654.577
Công ty cổ phần Bao bì Bia – Rượu – Nước giải khát	4.062.091.056	3.910.681.272
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long	4.356.736.307	3.393.160.078
Công ty TNHH MTV đồ hộp Hạ Long Đà Nẵng	2.435.849.724	3.374.473.905
Công ty TNHH Hercules (Việt Nam)	1.448.440.253	5.257.170.114
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu bánh kẹo Bảo Hưng	3.523.251.600	37.928.240
Các khách hàng khác	29.578.145.426	42.757.054.912
	<b>49.829.571.784</b>	<b>62.885.123.098</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Song Song	313.836.323	1.092.867.732
VT Overseas Trading	164.422.400	276.293.360
Các nhà cung cấp khác	200.000.000	200.000.000
	<b>678.258.723</b>	<b>1.569.161.092</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư trả trước cho người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 7.360,00 USD tương đương 164.422.400 VND.

**5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	30/06/2017 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2017 Dự phòng VND
BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	172.128.404	-	148.597.550	-
Tạm ứng cho nhân viên	210.000.000	-	111.600.000	-
Đặt cọc ngắn hạn khác	36.958.000	-	36.958.000	-
	<b>419.086.404</b>	<b>-</b>	<b>297.155.550</b>	<b>-</b>

**5.4.2 Phải thu dài hạn khác**

	Giá trị VND	30/06/2017 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2017 Dự phòng VND
Ký quỹ thuê tài chính				
• Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ký quỹ dài hạn khác	10.000.000	-	10.000.000	-
	<b>1.010.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.010.000.000</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**5.5 Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	30/06/2017 Dự phòng đã trích lập VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2017 Dự phòng đã trích lập VND
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>						
• Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	Trên 3 năm	330.870.543	(330.870.543)	Trên 3 năm	330.870.543	(330.870.543)
• Công ty TNHH Tin Thịnh	Trên 2 năm	352.042.030	(246.429.421)	Trên 2 năm	352.042.030	(246.429.421)
• Công ty CBTP XK Kiên Giang	Trên 3 năm	223.874.352	(223.874.352)	Trên 3 năm	223.874.352	(223.874.352)
• Xí nghiệp chế biến thực phẩm Meko		-	-	Trên 3 năm	191.425.179	(191.425.179)
• Phải thu các khách hàng khác		189.087.592	(132.724.132)		76.360.672	(76.360.672)
		<b>1.095.874.517</b>	<b>(933.898.448)</b>		<b>1.174.572.776</b>	<b>(1.068.960.167)</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.068.960.167	998.551.761
Dự phòng/ (hoàn nhập) trong kỳ	(135.061.719)	70.408.406
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>933.898.448</b>	<b>1.068.960.167</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	Giá gốc VND	30/06/2017 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2017 Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	9.006.394.264	-	4.593.361.876	-
Nguyên liệu, vật liệu	87.902.903.678	-	78.292.292.619	-
Công cụ, dụng cụ	657.846.644	-	572.217.028	-
Thành phẩm	16.691.050.580	-	12.127.317.635	-
Hàng hóa	9.672.270.953	-	8.748.432.483	-
	<b>123.930.466.119</b>	<b>-</b>	<b>104.333.621.641</b>	<b>-</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	292.280.114	584.560.226
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	423.665.837	347.272.493
Tiền thuê đất	2.158.817.658	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	237.067.005	90.465.522
	<b>3.111.830.614</b>	<b>1.022.298.241</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.186.789.111	944.770.041
Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng	1.073.937.785	1.809.987.518
Chi phí bảo hiểm	156.482.231	194.460.677
	<b>3.417.209.127</b>	<b>2.949.218.236</b>

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2017	9.591.116.550	272.107.666.016	6.304.701.283	767.700.245	267.431.743	289.038.615.837
Tăng trong kỳ	-	57.000.000	-	-	-	57.000.000
Tại ngày 30/06/2017	<b>9.591.116.550</b>	<b>272.164.666.016</b>	<b>6.304.701.283</b>	<b>767.700.245</b>	<b>267.431.743</b>	<b>289.095.615.837</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2017	9.072.720.666	202.900.167.822	3.765.302.469	314.272.660	267.431.743	216.319.895.360
Khấu hao trong kỳ	61.049.652	8.949.764.316	283.799.109	38.609.784	-	9.333.222.861
Tại ngày 30/06/2017	<b>9.133.770.318</b>	<b>211.849.932.138</b>	<b>4.049.101.578</b>	<b>352.882.444</b>	<b>267.431.743</b>	<b>225.653.118.221</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2017	518.395.884	69.207.498.194	2.539.398.814	453.427.585	-	72.718.720.477
Tại ngày 30/06/2017	<b>457.346.232</b>	<b>60.314.733.878</b>	<b>2.255.599.705</b>	<b>414.817.801</b>	-	<b>63.442.497.616</b>

*Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:*

Tại ngày 01/01/2017	8.370.121.095	92.643.630.695	2.247.886.192	197.805.700	267.431.743	103.726.875.425
Tại ngày 30/06/2017	8.370.121.095	93.691.542.382	2.529.704.374	197.805.700	267.431.743	<b>105.056.605.294</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị còn lại của máy móc, thiết bị theo sổ sách đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) là 14.573.583.393 VND (xem thuyết minh 5.16.1).



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2017	49.028.781.108	49.028.781.108
Tăng trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2017	<b>49.028.781.108</b>	<b>49.028.781.108</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2017	8.171.463.519	8.171.463.519
Khấu hao trong kỳ	2.451.439.050	2.451.439.050
Tại ngày 30/06/2017	<b>10.622.902.569</b>	<b>10.622.902.569</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2017	40.857.317.589	40.857.317.589
Tại ngày 30/06/2017	<b>38.405.878.539</b>	<b>38.405.878.539</b>

Sau khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá trị được quy định cụ thể trên Hợp đồng thuê tài chính.

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Giá gốc	Dự phòng	30/06/2017	Giá gốc	Dự phòng	01/01/2017
	VND	VND	Giá trị hợp lý VND	VND	VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần						
Cảng Rau Quả	1.972.000.000	(172.018.000)	1.799.982.000	1.972.000.000	-	1.972.000.000
	<b>1.972.000.000</b>	<b>(172.018.000)</b>	<b>1.799.982.000</b>	<b>1.972.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.972.000.000</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số lượng cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Rau Quả mà Công ty nắm giữ là 66.666 cổ phần, chiếm 0,81% vốn điều lệ của công ty này.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tại ngày đầu kỳ	-	752.012.200
Dự phòng/ (hoàn nhập) trong kỳ	172.018.000	(13.333.200)
Tại ngày cuối kỳ	<b>172.018.000</b>	<b>738.679.000</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Dongwon Systems Corp.	2.011.274.100	2.011.274.100	4.026.081.400	4.026.081.400
GCP (Singapore) Private Limited	1.919.069.262	1.919.069.262	3.757.674.454	3.757.674.454
Baosteel Singapore Pte. Ltd.	1.428.149.428	1.428.149.428	-	-
Các nhà cung cấp khác	8.556.995.068	8.556.995.068	6.877.654.380	6.877.654.380
<b>Cộng</b>	<b>13.915.487.858</b>	<b>13.915.487.858</b>	<b>14.661.410.234</b>	<b>14.661.410.234</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư phải trả người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 330.464,76 USD tương đương 7.524.682.585 VND.

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2017		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2017	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	1.441.744.562	4.188.856.130	(4.635.079.353)	-	995.521.339
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.915.562.987	(6.915.562.987)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	96.468.823	-	1.876.592.279	(1.780.123.456)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.431.044.765	2.890.061.719	(4.431.044.765)	-	2.890.061.719
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.335.744	188.378.854	(196.708.218)	-	7.006.380
Tiền thuê đất	-	-	4.317.635.322	(4.317.635.322)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>96.468.823</b>	<b>5.888.125.071</b>	<b>20.380.087.291</b>	<b>(22.279.154.101)</b>	<b>-</b>	<b>3.892.589.438</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.450.308.594	4.129.113.275
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	14.450.308.594	4.129.113.275
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.890.061.719</b>	<b>825.822.655</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

*Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.13 Phải trả người lao động**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền lương phải trả	1.680.523.995	2.005.295.900
Tiền ăn ca phải trả	274.025.000	263.000.000
Trích trước quỹ lương	1.182.000.000	6.656.372.809
	<b>3.136.548.995</b>	<b>8.924.668.709</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 20 tháng 5 năm 2017, quỹ lương Công ty năm 2017 tối đa bằng 10% doanh thu.

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>		
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.417.959.964	1.319.674.788
Chi phí lãi vay phải trả – ngân hàng	-	120.068.960
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	65.000.000	65.000.000
	<b>1.482.959.964</b>	<b>1.504.743.748</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b><i>Phải trả bên liên quan</i></b>		
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần – cổ tức phải trả	4.128.712.000	-
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>		
Kinh phí công đoàn	217.646.696	37.069.096
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.325.766.906	8.422.377.066
Cổ tức phải trả	7.392.534.747	985.895.247
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	35.747.709	35.747.709
	<b>19.100.408.058</b>	<b>9.481.089.118</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 6.000,00 USD tương đương 136.620.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Giá trị VND	30/06/2017 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	01/01/2017 Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
• Ngân hàng BIDV (i)	46.164.792.578	46.164.792.578	35.367.979.197	35.367.979.197
• Ngân hàng Vietcombank (ii)	988.799.110	988.799.110	-	-
	<b>47.153.591.688</b>	<b>47.153.591.688</b>	<b>35.367.979.197</b>	<b>35.367.979.197</b>
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	4.864.250.376	4.864.250.376	8.297.838.864	8.297.838.864
	<b>4.864.250.376</b>	<b>4.864.250.376</b>	<b>8.297.838.864</b>	<b>8.297.838.864</b>
	<b>52.017.842.064</b>	<b>52.017.842.064</b>	<b>43.665.818.061</b>	<b>43.665.818.061</b>

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/94178/HĐTD ngày 12/05/2016 và số 01/2017/94178/HĐTD ngày 15/05/2017.  
 Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND.  
 Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở thư tín dụng đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.  
 Thời hạn hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay.  
 Lãi suất vay: từ 6,0%/năm đến 7,5%/năm.  
 Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp máy móc, thiết bị của Công ty.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – chi nhánh Bình Tây theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 405B16 ngày 18/10/2016.  
 Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND.  
 Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.  
 Thời hạn hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay.  
 Lãi suất vay: 6,0%/năm.  
 Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2017 VND	Phát sinh trong kỳ		30/06/2017 VND
		Vay trong kỳ/ Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Thanh toán trong kỳ VND	
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.367.979.197	64.492.889.950	(52.707.277.459)	47.153.591.688
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.297.838.864	4.864.250.376	(8.297.838.864)	4.864.250.376
	<b>43.665.818.061</b>	<b>69.357.140.326</b>	<b>(61.005.116.323)</b>	<b>52.017.842.064</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nợ thuê tài chính				
• Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	11.755.271.748	11.755.271.748	24.202.030.044	24.202.030.044
	<b>11.755.271.748</b>	<b>11.755.271.748</b>	<b>24.202.030.044</b>	<b>24.202.030.044</b>
Nợ thuê tài chính đến hạn trả				
	(4.864.250.376)	(4.864.250.376)	(8.297.838.864)	(8.297.838.864)
	<b>(4.864.250.376)</b>	<b>(4.864.250.376)</b>	<b>(8.297.838.864)</b>	<b>(8.297.838.864)</b>
	<b>6.891.021.372</b>	<b>6.891.021.372</b>	<b>15.904.191.180</b>	<b>15.904.191.180</b>

- (i) Khoản thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê số 55.14.04 ngày 06 tháng 3 năm 2014 và Phụ lục 01 ngày 28 tháng 10 năm 2014:

Giá mua: 40.106.221.200 VND.

Thời hạn thuê: 60 tháng.

Lãi suất thuê: lãi suất cho thuê tài chính cơ bản cộng với biên độ 2,00%/năm.

Khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê theo giá bán danh nghĩa là 20.000.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán nợ thuê tài chính như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Nợ thuê tài chính	11.755.271.748	4.864.250.376	6.891.021.372	-
	<b>11.755.271.748</b>	<b>4.864.250.376</b>	<b>6.891.021.372</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Nợ thuê tài chính	24.202.030.044	8.297.838.864	15.904.191.180	-
	<b>24.202.030.044</b>	<b>8.297.838.864</b>	<b>15.904.191.180</b>	<b>-</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền gốc phải trả	4.864.250.376	6.891.021.372	-	11.755.271.748
Lãi thuê phải trả	849.385.943	492.061.714	-	1.341.447.657
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>5.713.636.319</b>	<b>7.383.083.086</b>	-	<b>13.096.719.405</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền gốc phải trả	8.297.838.864	15.904.191.180	-	24.202.030.044
Lãi thuê phải trả	1.815.839.899	1.512.868.901	-	3.328.708.800
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>10.113.678.763</b>	<b>17.417.060.081</b>	-	<b>27.530.738.844</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	01/01/2017 VND	Phát sinh trong kỳ		30/06/2017 VND
		Thanh toán trong kỳ VND	Kết chuyển vay và nợ ngắn hạn VND	
Nợ thuê tài chính dài hạn	15.904.191.180	(4.148.919.432)	(4.864.250.376)	6.891.021.372
	<b>15.904.191.180</b>	<b>(4.148.919.432)</b>	<b>(4.864.250.376)</b>	<b>6.891.021.372</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**5.17 Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	01/01/2017 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2017 VND
Quỹ khen thưởng	974.359.162	2.200.000.000	(1.870.505.000)	1.303.854.162
Quỹ phúc lợi	4.369	500.000.000	(244.350.000)	255.654.369
Quỹ thưởng Ban điều hành	(523.050.000)	523.050.000	-	-
	<b>451.313.531</b>	<b>3.223.050.000</b>	<b>(2.114.855.000)</b>	<b>1.559.508.531</b>

**5.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	01/01/2017 VND	Ghi giảm thuế TNDN hoãn lại phải trả VND	30/06/2017 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.473.162	(12.473.162)	-
Chi phí sửa chữa, mở rộng phân xưởng	18.171.432	(12.378.583)	5.792.849
	<b>30.644.594</b>	<b>(24.851.745)</b>	<b>5.792.849</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
tại ngày 01/01/2016	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	26.458.369.840	11.437.202.621	203.848.829.910
đổi trong kỳ	-	-	-	-	3.353.088.689	3.353.088.689
ích lập quỹ	-	-	-	769.300.700	(769.300.700)	-
ích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và ích lập quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	-	(3.141.594.021)	(3.141.594.021)
chia cổ tức đợt 2 năm 2015	-	-	-	-	(7.526.307.500)	(7.526.307.500)
<b>tại ngày 30/06/2016</b>	<b>150.713.370.000</b>	<b>15.557.011.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>27.227.670.540</b>	<b>3.353.089.089</b>	<b>196.534.017.078</b>
đổi trong kỳ	-	-	-	-	18.428.094.203	18.428.094.203
chia cổ tức đợt 1 năm 2016	-	-	-	-	(7.526.307.500)	(7.526.307.500)
tại ngày 31/12/2016	<b>150.713.370.000</b>	<b>15.557.011.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>27.227.670.540</b>	<b>14.254.875.792</b>	<b>207.435.803.781</b>
đổi trong kỳ	-	-	-	-	14.254.875.792	14.254.875.792
ích lập quỹ	-	-	-	494.994.892	(494.994.892)	-
ích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và ích lập quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	-	(3.223.050.000)	(3.223.050.000)
chia cổ tức đợt 2 năm 2016	-	-	-	-	(10.536.830.500)	(10.536.830.500)
<b>tại ngày 30/06/2017</b>	<b>150.713.370.000</b>	<b>15.557.011.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>27.722.665.432</b>	<b>11.585.099.020</b>	<b>205.261.021.901</b>





CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/06/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản				
- Công ty cổ phần	58.981.600.000	39,13	58.981.600.000	39,13
Ông Trịnh Hữu Minh	18.962.310.000	12,58	18.962.310.000	12,58
Ông Nguyễn Quý	16.509.480.000	10,95	16.509.480.000	10,95
Các cổ đông khác	56.259.980.000	37,34	56.259.980.000	37,34
	<b>150.713.370.000</b>	<b>100,00</b>	<b>150.713.370.000</b>	<b>100,00</b>

**5.19.3 Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.178.180	15.178.180
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.071.337	15.071.337
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	18.722	18.722
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.052.615	15.052.615
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

**5.19.4 Phân phối lợi nhuận**

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 20 tháng 5 năm 2017, chi tiết như sau:

	VND
• Cổ tức cho các cổ đông	18.063.138.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	494.994.892
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	3.223.050.000
	<b>21.781.182.892</b>

**5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

**5.20.1 Tài sản nhận giữ hộ**

	30/06/2017	01/01/2017
Sắt (tờ)	861.439	1.011.629
Sắt (kg)	20.337	2.083

**5.20.2 Ngoại tệ các loại**

	30/06/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	34.040,04	1.147,06
Dollar Singapore (SGD)	0,34	0,34
Dollar Úc (AUD)	412,31	412,31

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	133.275.737.094	134.157.986.104
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.761.042.463	44.947.917.293
	<b>171.036.779.557</b>	<b>179.105.903.397</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(7.830.000)	(247.752.550)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>171.028.949.557</b>	<b>178.858.150.847</b>

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	105.994.559.826	107.160.890.633
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.287.196.522	35.222.691.268
	<b>137.281.756.348</b>	<b>142.383.581.901</b>

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi	19.416.255	20.852.483
Cổ tức được chia	-	99.999.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	90.949.409	41.478.960
	<b>110.365.664</b>	<b>162.330.443</b>

#### 6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	2.279.657.146	2.828.658.269
Dự phòng tổn thất đầu tư	172.018.000	(13.333.200)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	66.201.223	25.827.194
	<b>2.517.876.369</b>	<b>2.841.152.263</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ dụng cụ	3.232.038.530	3.300.908.585
Chi phí hoa hồng	1.330.023.911	1.417.859.907
Chi phí vận chuyển	1.383.285.640	1.445.057.546
Chi phí nhiên liệu	355.472.323	298.034.241
Chi phí bán hàng khác	422.248.958	178.514.951
	<b>6.723.069.362</b>	<b>6.640.375.230</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên	3.740.186.893	3.574.788.255
Chi phí thuê đất	2.158.817.664	2.158.817.661
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.875.573.279	3.351.697.487
	<b>10.774.577.836</b>	<b>9.085.303.403</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	210.000.000
Thu bồi thường sắt, hóa chất	-	26.411.185
Tiền đặt cọc mua hàng	846.535.246	-
Thu nhập khác	45.787.456	26.891.870
	<b>892.322.702</b>	<b>263.303.055</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tiền thuê đất bổ sung từ năm 2011 đến năm 2015	-	13.441.417.332
Truy thu, phạt thuế	269.826.314	760.640.941
Chi phí khác	14.223.100	2.200.000
	<b>284.049.414</b>	<b>14.204.258.273</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(24.851.745)	(49.798.069)
	<b>(24.851.745)</b>	<b>(49.798.069)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**6.10 Lãi trên cổ phiếu**

**6.10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.585.098.620	3.353.088.689
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (14,8%)	(1.714.594.596)	(496.257.126)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.870.504.024	2.856.831.563
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.052.615	15.052.615
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>656</b>	<b>190</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	15.052.615	15.052.615
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>15.052.615</b>	<b>15.052.615</b>

**6.10.2 Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.230.697.252	94.844.291.315
Chi phí nhân công	18.913.680.905	18.474.727.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.784.661.911	11.929.842.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.001.319.545	4.592.274.671
Chi phí khác	23.542.788.624	20.241.101.183
	<b>147.473.148.237</b>	<b>150.082.237.261</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	64.492.889.950	43.807.997.586
	<b>64.492.889.950</b>	<b>43.807.997.586</b>

995  
TY  
HỮU  
HẠN  
NAM  
ĐC



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	52.707.277.459	71.270.935.950
Tiền trả nợ thuê tài chính	12.446.758.296	4.305.077.167
	<b><u>65.154.035.755</u></b>	<b><u>75.576.013.117</u></b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Rủi ro ngoại tệ (tiếp theo)**

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/06/2017 USD	31/12/2016 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.040,04	1.147,06
Phải trả người bán ngắn hạn	(330.464,76)	(477.053,24)
Phải trả ngắn hạn khác	(6.000,00)	(23.092,56)
	<b>(302.424,72)</b>	<b>(498.998,74)</b>

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Với giả định các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

	Thay đổi tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế USD	VND
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017			
VND	+1%	(3.024,25)	(68.885.937)
VND	-1%	3.024,25	68.885.937
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016			
VND	+1%	(4.989,99)	(113.722.845)
VND	-1%	4.989,99	113.722.845

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>			
Các khoản vay và nợ	52.017.842.064	6.891.021.372	58.908.863.436
Phải trả người bán	13.915.487.858	-	13.915.487.858
Chi phí phải trả và phải trả khác	20.365.721.326	-	20.365.721.326
	<b>86.299.051.248</b>	<b>6.891.021.372</b>	<b>93.190.072.620</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Các khoản vay và nợ	43.665.818.061	15.904.191.180	59.570.009.241
Phải trả người bán	14.661.410.234	-	14.661.410.234
Chi phí phải trả và phải trả khác	10.948.763.770	-	10.948.763.770
	<b>69.275.992.065</b>	<b>15.904.191.180</b>	<b>85.180.183.245</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7.325.766.906 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.422.377.066 VND.

**iv. Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	48.895.673.336	61.816.162.931	48.895.673.336	61.816.162.931
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.046.958.000	1.046.958.000	1.046.958.000	1.046.958.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	1.799.982.000	1.972.000.000	1.799.982.000	1.972.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	21.820.397.074	19.266.353.333	21.820.397.074	19.266.353.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.563.010.410</b>	<b>84.101.474.264</b>	<b>73.563.010.410</b>	<b>84.101.474.264</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Vay và nợ</i>	58.908.863.436	59.570.009.241	58.908.863.436	59.570.009.241
<i>Phải trả người bán</i>	13.915.487.858	14.661.410.234	13.915.487.858	14.661.410.234
<i>Chi phí phải trả và phải trả khác</i>	20.365.721.326	10.948.763.770	20.365.721.326	10.948.763.770
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.190.072.620</b>	<b>85.180.183.245</b>	<b>93.190.072.620</b>	<b>85.180.183.245</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**v. Phòng ngừa rủi ro**

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương và thưởng cho Ban Giám đốc	348.252.499	317.029.655
Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	369.950.000	235.000.000
	<b>718.202.499</b>	<b>552.029.655</b>

**9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần	Chia cổ tức	4.128.712.000	2.949.080.000

*Số dư phải trả với các bên liên quan khác*

	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần	Cổ tức phải trả	4.128.712.000	-

**9.3 Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, do Công ty chỉ có hoạt động sản xuất bao bì bằng kim loại nên báo cáo bộ phận được lập theo khu vực địa lý.

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu thuần – trong nước	170.334.714.724	178.249.947.667
Doanh thu thuần – xuất khẩu	694.234.833	608.203.180
	<b>171.028.949.557</b>	<b>178.858.150.847</b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý.

25-C  
TY  
ƯU H  
ÁN  
HAM  
CHỈ

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

**9.4 Các cam kết****9.4.1 Cam kết mua nguyên vật liệu**

Công ty đã ký các hợp đồng mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp như sau:

Nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu	Số	Hợp đồng		Giá trị hợp đồng
			Ngày	Nguyên tệ	Giá trị
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPC 1707002	15/05/2017	VND	872.528.580
Guangzhou Goldenhouse Trading Co., Ltd	Sắt	HMVN0002	19/06/2017	USD	18.300,00
Kyodo Co., Inc Importers & Exporters	Sắt	2267	21/06/2017	USD	31.227,30
Jiangyin Comat Metal Products Co., Ltd	Sắt	JYC 170619-3601	19/06/2017	USD	115.425,00
Jiangyin Comat Metal Products Co., Ltd	Sắt	JYC 170523-3560	23/05/2017	USD	59.750,00
Baosteel Singapore Pte Ltd	Sắt	BS-TK4B 565	24/05/2017	USD	51.200,00
MCPPI Investment Pty. Ltd	Sắt	17/0015MC	19/04/2017	USD	62.625,00
MCPPI Investment Pty. Ltd	Sắt	17/0019MC	26/05/2017	USD	61.950,00

**9.4.2 Cam kết bán hàng hóa**

Công ty đã ký hợp đồng bán hàng hóa cho các khách hàng như sau:

Khách hàng	Loại hàng hóa	Số	Hợp đồng		Giá trị hợp đồng
			Ngày	VND	
Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản	Bán lon	01-2M/KD-HĐMB/17	03/01/2017	14.000.000.000	
Chi nhánh công ty TNHH MTV du lịch – thương mại Kiên Giang: Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC	Bán lon	02-2M/KD-HĐMB/17	03/01/2017	22.000.000.000	
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare	Bán lon	01-HĐ/KD-HĐMB/17	03/01/2017	24.000.000.000	
DNTN Minh Dũng	Bán lon	08-HĐ/KD-HĐMB/17	03/01/2017	14.000.000.000	
Công ty TNHH Quốc Thảo	Bán lon	10-HĐ/KD-HĐMB/17	03/01/2017	10.000.000.000	
Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam	Bán lon	060717/MDL Z-MC	06/07/2017	31.000.000.000	
Công ty cổ phần Thực phẩm Richy Miền Nam	Bán lon	05-HB/KD-HĐMB/17	24/06/2017	891.000.000	
Công ty TNHH MTV Sơn Hải Âu	Bán lon	11-LS/KD-HĐMB/16	01/04/2016	10.000.000.000	
Công ty TNHH SX TM Mô tô Kiểu Hoàng Sơn	Bán lon	12-LS/KD-HĐMB/16	01/04/2016	15.000.000.000	
Công ty Urai Phanich (Việt Nam) TNHH	Bán lon	15-LS/KD-HĐMB/16	01/04/2016	8.000.000.000	
Công ty Cổ phần Urai (Việt Nam)	Bán lon	16-LS/KD-HĐMB/16	01/04/2016	10.000.000.000	



**9.5 Thông tin so sánh**

Trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2016 do thay đổi tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 20 tháng 5 năm 2017.

	Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND/cổ phiếu
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.353.088.689	183
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (14,8%)	(496.257.126)	7
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã điều chỉnh	<b>2.856.831.563</b>	<b>190</b>

**9.6 Vấn đề khác**

**Cho thuê kho hàng, nhà xưởng**

Công ty cho Công ty TNHH Dược phẩm 3A thuê kho hàng, nhà xưởng tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên khi hết thời hạn thuê, bên đi thuê vẫn chưa hoàn trả lại kho hàng, nhà xưởng đi thuê cho Công ty và chưa thanh toán khoản tiền thuê từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến nay.

Ngày 10 tháng 3 năm 2014, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã khởi kiện công ty đi thuê nêu trên tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú.

Tại buổi hòa giải ngày 13 tháng 7 năm 2016 tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp nêu trên, Công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu bên đi thuê hoàn trả lại kho hàng, nhà xưởng cho Công ty và thanh toán khoản tiền thuê từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến nay.

Ngày 15 tháng 2 năm 2017, Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú có quyết định chuyển hồ sơ vụ án và ngày 10 tháng 3 năm 2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ kiện.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, vụ kiện vẫn chưa được Tòa án đưa ra xét xử.


**9.7 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
 NGUYỄN THỊ QUYÊN  
 Người lập biểu

  
 VÕ NGỌC HUỲNH THU  
 Kế toán trưởng



  
 TRỊNH HỮU MINH  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2017